

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **41** /2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **23** tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình số 329/TTr-STNMT ngày 08 tháng 10 năm 2024, 357/TTr-STNMT ngày 18 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo việc triển khai thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *7/11/24*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CN&CTĐT tỉnh (đăng tải);
- Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh, Đài PTTH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng CM thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (đ_60b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

QUY ĐỊNH

Hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số **41** /2024/QĐ-UBND
ngày **23** tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 141, khoản 5 Điều 176, khoản 3 Điều 177, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196, khoản 4 Điều 220 của Luật Đất đai năm 2024.

2. Quy định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 47 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; công chức làm công tác địa chính ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng khác có liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 của Luật Đất đai năm 2024

Giấy tờ đối đất thổ cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất xác nhận hoặc đồng ý hoặc phê duyệt hoặc chấp thuận trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.

Chương II HẠN MỨC GIAO ĐẤT, CÔNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 4. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân

Hạn mức giao đất ở cho cá nhân 01 (một) thửa đất như sau:

1. Đối với các xã: Không quá 400 m².

2. Đối với các phường, thị trấn: Không quá 300 m².

Điều 5. Hạn mức giao đất nông nghiệp; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Hạn mức giao đất nông nghiệp

Hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân được quy định như sau:

a) Đất trồng cây hằng năm, nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác: Không quá 02 ha đối với mỗi loại đất.

b) Đất trồng cây lâu năm: Không quá 30 ha.

c) Đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 30 ha đối với mỗi loại đất.

d) Cá nhân đã được giao nhiều loại đất theo quy định tại điểm a khoản này thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 25 ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 25 ha.

2. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không vượt quá hạn mức giao đất quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này và không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

Điều 6. Hạn mức công nhận đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 của Luật Đất đai năm 2024 mà trên giấy tờ đó có thể hiện mục đích sử dụng để làm nhà ở, đất ở hoặc thổ cư thì hạn mức công nhận đất ở khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất được hình thành trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Đất đai năm 2024 được xác định như sau:

1. Thửa đất có diện tích bằng hoặc lớn hơn hạn mức quy định tại Điều 4 của Quy định này mà trên giấy tờ về quyền sử dụng đất đã ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó; trường hợp diện tích đất ở thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất nhỏ hơn hạn mức quy định tại Điều 4 của Quy định này hoặc chưa ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Thửa đất có diện tích nhỏ hơn hạn mức quy định tại Điều 4 của Quy định này thì toàn bộ diện tích đó được xác định là đất ở.

Điều 7. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 15 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Chương III TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT

Điều 8. Điều kiện tách thửa đất

Việc tách thửa đất phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Bảo đảm các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Điều 29; khoản 1, khoản 2 Điều 220 của Luật Đất đai năm 2024;
2. Thửa đất hình thành sau khi tách thửa phải có ít nhất 01 (một) cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc tiếp giáp với đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc tiếp giáp với lối đi;
3. Thửa đất chưa có thông báo thu hồi hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền;
4. Thửa đất ở, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại khu vực có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải phù hợp quy hoạch chi tiết xây dựng;
5. Thửa đất có nguồn gốc nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ chỉ được tách thửa theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
6. Diện tích, kích thước của các thửa đất sau khi tách thửa phải bằng hoặc lớn hơn diện tích, kích thước tối thiểu được quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Quy định này;

Trường hợp thửa đất được tách có diện tích, kích thước nhỏ hơn diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa, kể cả vị trí không tiếp giáp với đường giao thông hoặc không tiếp giáp với đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc không tiếp giáp lối đi thì phải thực hiện đồng thời việc hợp thửa với thửa đất liền kề quy định tại Điều 13 của Quy định này.

Điều 9. Diện tích, kích thước tách thửa đối với đất ở

1. Đối với các xã: Thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Diện tích: Tối thiểu 60 m²;
- b) Kích thước: Cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi tối thiểu 4,0 mét, chiều sâu thửa đất tối thiểu 6,0 mét.

2. Đối với các phường, thị trấn: Thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Diện tích: Tối thiểu 40 m²;

b) Kích thước: Cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi tối thiểu 3,0 mét, chiều sâu thửa đất tối thiểu 4,0 mét.

3. Đối với thửa đất có đất ở và đất khác thì các thửa đất được tách có diện tích đất ở phải đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không tính diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn công trình.

Điều 10. Diện tích, kích thước tách thửa đối với đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

1. Trường hợp thửa đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư chỉ được phép tách thửa khi dự án đầu tư được chia, tách theo quy định của pháp luật đầu tư.

2. Trường hợp thửa đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hoặc nhận chuyển quyền sử dụng đất không thuộc khoản 1 Điều này, được quy định như sau:

a) Diện tích, kích thước thửa đất thương mại, dịch vụ sau khi tách thửa phải đảm bảo theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

b) Thửa đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sau khi tách thửa phải có diện tích tối thiểu 200 m² và cạnh tiếp giáp với đường giao thông hoặc đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông hoặc lối đi tối thiểu 4,0 mét.

Điều 11. Diện tích tách thửa đối với nhóm đất nông nghiệp

1. Đối với đất lâm nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng: Thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa phải có diện tích tối thiểu 3.000 m².

2. Đối với các loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp còn lại không thuộc khoản 1 Điều này, được quy định như sau:

a. Đối với các xã: Thửa đất mới được hình thành sau khi tách phải có diện tích tối thiểu 1.000 m².

b. Đối với các phường, thị trấn: Thửa đất mới được hình thành sau khi tách phải có diện tích tối thiểu 500 m².

Điều 12. Diện tích, kích thước tách thửa khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

1. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng một phần thửa đất thì thực hiện tách thửa, diện tích tối thiểu của các thửa đất sau khi tách phải bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng, cụ thể: Thửa đất ở sau khi tách thửa phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 của Quy định này; thửa đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sau khi tách phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy định này; thửa đất nông nghiệp sau khi tách thửa phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11

của Quy định này.

Trường hợp chuyển mục đích sử dụng một phần thửa đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp mà thửa đất có một phần diện tích thuộc hành lang bảo vệ, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn công trình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì phần diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn công trình không được chuyển mục đích được thể hiện chung trên cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với thửa đất chuyển mục đích

2. Đối với thửa đất có đất ở và đất khác thì không bắt buộc thực hiện tách thửa khi chuyển mục đích sử dụng một phần thửa đất, trừ trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tách thửa.

Điều 13. Hợp thửa đất

1. Các thửa đất liền kề, bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 8 của Quy định này và các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 220 của Luật Đất đai năm 2024 thì được hợp thửa.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng thửa đất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này nhưng khác nhau về thời hạn sử dụng đất, nếu có nhu cầu hợp thửa mà chọn thời hạn sử dụng của thửa đất sau khi hợp thửa là thời hạn của thửa đất có thời hạn ngắn nhất thì không phải thực hiện điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.

Điều 14. Rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

b) Lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt để công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và lấy ý kiến người dân nơi có đất trong thời hạn 15 ngày. Danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

c) Kết thúc thời hạn công bố công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt dự kiến sử dụng vào mục đích công cộng; các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt dự kiến giao đất, cho thuê đất báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo đúng quy định tại Điều 47 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt được thực hiện theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận nhưng đến ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì tiếp tục giải quyết thủ tục theo quy định của Luật Đất đai số 45/2013/QH13, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024. Trường hợp người sử dụng đất đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Quy định này. Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn thực hiện tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này; trường hợp phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện thì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thường xuyên cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để giải quyết tách thửa, hợp thửa đất và thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai và Quy định này.

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong quản lý đất đai khi thi hành công vụ liên quan đến các nội dung quy định tại Quy định này.

b) Sở Xây dựng cung cấp kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ, tài liệu liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực liên quan đến địa giới hành chính từ hai huyện, thành phố, thị xã trở lên trên địa bàn tỉnh để quản lý việc tách thửa đất, hợp thửa đất theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong quản lý đất đai khi thi hành công vụ liên quan đến các nội dung quy định tại Quy định này. Định kỳ báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để xem xét, chỉ đạo.

- Cung cấp kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ, tài liệu liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý để quản lý việc tách thửa đất, hợp thửa đất theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết./.

